TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ- ST
Ngày 15/7/2022
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạn;

2. Bà Nguyễn Thị Bình;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 80/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thanh N - Sinh năm 1984 (Vắng mặt- Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Dương Thế C - Sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Thanh N trình bày có nội dung:

Bà và và ông Dương Thế C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông C có biểu hiện sống không chung thủy với bà N và có liên quan các mối quan hệ xã

hội bên ngoài; do đó cả hai đều không có tiếng nói chung trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân áp lực, không có hạnh phúc. Mặc dù cả hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải, tuy nhiên vẫn không có kết quả. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C;

Về con chung: Vợ chồng có các con chung là Dương Thị Mỹ D – sinh ngày 25/11/2005; Dương Mỹ Hạnh N– sinh ngày 16/9/2010 và Dương Chấn H - sinh ngày 22/02/2018 hiện đang ở cùng bà N. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Hiện nay bà N đang làm nghề kinh doanh, thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng;

Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Dương Thế C nhưng ông C vẫn cố tình lẫn tránh; do đó Tòa án không ghi được lời khai của ông C và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Thanh N và ông Dương Thế C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay Bà Phan Thị Thanh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Dương Thế C là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Phan Thị Thanh N về việc ly hôn với ông Dương Thế C. Về con chung: Giao Dương Thị Mỹ D – sinh ngày 25/11/2005; Dương Mỹ Hạnh N– sinh ngày 16/9/2010 và Dương Chấn H - sinh ngày 22/02/2018 cho bà Phan Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung:

Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn bà Phan Thị Thanh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Dương Thế C có nơi cư trú tại Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về thủ tục tố tụng:* Xét thấy nguyên đơn bà Phan Thị Thanh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Dương Thế C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phan Thị Thanh N và công Dương Thế C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng, không hòa giải được;

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện bà N, ông C có phát sinh mâu thuẫn; tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương địa phương không nắm rõ, khi xảy ra mẫu thuẫn bà N, ông C không không yêu cầu địa phương hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên việc bà N kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông C là xuất phát việc mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của bà Phan Thị Thanh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Các con chung hiện đang ở cùng bà N; cháu Dương Mỹ Hạnh N, Dương Thị Mỹ D đều có nguyện vọng ở với mẹ; do đó cần giao các con chung cho bà Phan Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Thanh N không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Dương Thế C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thanh N không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Phan Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh N về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Dương Thế C;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh N được ly hôn với ông Dương Thế C;

Về con chung: Dương Thị Mỹ D- sinh ngày 25/11/2005; Dương Mỹ Hạnh N- sinh ngày 16/9/2010 và Dương Chấn H- sinh ngày 22/02/2018 cho bà Phan Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Thanh N không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Dương Thế C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thanh N không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Phan Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Phan Thị Thanh N đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012274 ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn bà Phan Thị Thanh N, bị đơn ông Dương Thế C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- UBND phường T (Số 57, quyển số 01/05, ngày 27/6/2005);
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương